

Phụ lục III
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O MẪU E XUẤT KHẨU
*(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019
của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ACFTA)*

C/O mẫu E phải được kê khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung kê khai phải phù hợp với Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan và các chứng từ khác như vận đơn, hóa đơn thương mại và biên bản kiểm tra xuất xứ hàng hóa (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra). Nội dung kê khai C/O mẫu E cụ thể như sau:

1. Ô trên cùng bên phải “Reference No.” ghi số tham chiếu (do cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: Tên viết tắt của Nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”;

b) Nhóm 2: Tên viết tắt của Nước thành viên nhập khẩu, gồm 02 ký tự như sau:

CN: Trung Quốc	TH: Thái Lan
BN: Bờ-ru-nây	LA: Lào
KH: Cam-pu-chia	ID: In-đô-nê-xi-a
MY: Ma-lai-xi-a	MM: Mi-an-ma
PH: Phi-líp-pin	SG: Xinh-ga-po

c) Nhóm 3: Năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ cấp năm 2019 ghi là “19”;

d) Nhóm 4: Mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O được quy định cụ thể tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Danh mục này được cập nhật tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn khi có sự thay đổi;

đ) Nhóm 5: Số thứ tự của C/O, gồm 5 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”; Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O mang số thứ 2 cho một lô hàng xuất khẩu sang Trung Quốc trong năm 2019 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này là: “VN-CN 19/02/00008”.

2. Ô số 1: Ghi tên giao dịch của nhà xuất khẩu, địa chỉ, tên Nước thành viên xuất khẩu (Việt Nam).

3. Ô số 2: Ghi tên người nhận hàng, địa chỉ, tên Nước thành viên nhập khẩu.

4. Ô số 3: Ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi hàng bằng máy bay thì ghi "By air", nếu gửi bằng đường biển thì ghi tên tàu) và tên cảng bốc dỡ hàng.

5. Ô số 4: Để trống.

6. Ô số 5: Số thứ tự các mặt hàng.

7. Ô số 6: Ký hiệu, số kiện hàng.

8. Ô số 7: Số kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa (bao gồm số lượng và mã HS ở cấp độ 6 số).

9. Ô số 8: Ghi tiêu chí xuất xứ của hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại nước có tên đầu tiên ở Ô số 11 của C/O	Điền vào Ô số 8
a) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này	WO
b) Hàng hóa được sản xuất tại một Nước thành viên chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ từ một hay nhiều Nước thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này Note: nguyên liệu nhập từ các nước Thành viên như Thailand, China, Singapore,...có CO form E thì gọi là NPL có xx. Còn nếu NK từ Thailand, China, Singapore mà ko có C/O form E (mặc dù từ nước Thành viên) thì gọi là NPL ko có xx.	PE
c) Hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ tại một Nước thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này	
- Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) (điểm a khoản 1, điều 7)	Ghi tỉ lệ phần trăm thực tế hàm lượng giá trị khu vực ACFTA, ví dụ "RVC 50%"
- Chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp độ 4 số	CTH

(điểm b khoản 1 điều 7)	
d) Hàng hóa đáp ứng Quy tắc cụ thể mặt hàng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (khoản 2 điều 7)	PSR

10. Ô số 9: Ghi trọng lượng cả bao bì hoặc trọng lượng tịnh hoặc đơn vị đo lường khác và trị giá FOB chỉ ghi trong trường hợp áp dụng tiêu chí RVC.

11. Ô số 10: Số và ngày của hóa đơn thương mại được phát cho lô hàng nhập khẩu vào Nước thành viên nhập khẩu.

12. Ô số 11:

- Dòng thứ nhất ghi tên nước xuất xứ của hàng hóa, nơi diễn ra công đoạn sản xuất cuối cùng ra hàng hóa;
- Dòng thứ hai ghi tên Nước thành viên nhập khẩu;
- Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, họ tên, chữ ký của người ký đơn đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: Dành cho cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi: địa điểm, ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký và họ tên của người có thẩm quyền ký cấp C/O, con dấu của cơ quan, tổ chức cấp C/O.

14. Ô số 13:

a) Trường hợp cấp sau thì đánh dấu vào Ô "Issued Retroactively" bằng điện tử hay đánh máy với thông tin khác trên C/O mẫu E. Trường hợp không thể đánh dấu bằng điện tử hay đánh máy thì đóng dấu với dòng chữ "ISSUED RETROACTIVELY";

b) Trường hợp sản phẩm được gửi từ Nước thành viên xuất khẩu để tham gia triển lãm tại một Nước thành viên khác và được bán trong hoặc sau thời gian triển lãm nhằm nhập khẩu vào một Nước thành viên thì đánh dấu vào Ô "Exhibition". Tên và địa chỉ nơi diễn ra triển lãm ghi tại Ô số 2;

c) Trường hợp sản phẩm được cấp C/O giáp lưng thì đánh dấu vào Ô "Movement Certificate". Trị giá trên Ô số 9 là trị giá hóa đơn của sản phẩm được xuất khẩu từ Nước thành viên trung gian. Trị giá trên Ô số 9 chỉ cần ghi nếu áp dụng tiêu chí RVC. Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu E của Nước thành viên xuất khẩu đầu tiên, ngày cấp và số tham chiếu của C/O mẫu E gốc ghi tại Ô số 7;

d) Trường hợp hóa đơn được phát hành bởi một nước thứ ba thì đánh dấu vào Ô "Third Party Invoicing". Số hóa đơn được ghi tại Ô số 10. Tên và nước của công ty phát hành hóa đơn bên thứ ba ghi tại Ô số 7.